

Số: **08**/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 14 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự toán bổ sung, điều chỉnh chi
ngân sách địa phương năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND thị xã thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán chi ngân sách thị xã năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thị xã thành lập Phòng Nội vụ thị xã Phước Long trên cơ sở hợp nhất Phòng Lao động, Thương binh & Xã hội và Phòng Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thị xã thành lập Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Phước Long;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thị xã thành lập Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thị xã Phước Long;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thị xã thành lập Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thị xã Phước Long;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của HĐND thị xã thông qua dự toán điều chỉnh chi ngân sách năm 2025 của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 04/4/2025 của Ủy ban nhân dân thị xã đề nghị thông qua dự toán bổ sung, điều chỉnh chi ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 09/4/2025 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán bổ sung, điều chỉnh chi ngân sách địa phương năm 2025, cụ thể như sau:

Tổng dự toán chi ngân sách thị xã: tăng 88.841.347 nghìn đồng (*tăng chi từ chuyển nguồn Phương án sử dụng tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 số tiền 83.341.347 nghìn đồng; tỉnh bổ sung trợ cấp có mục tiêu chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông mới số tiền 5.500 triệu đồng*). Trong đó:

1. Dự toán chi đầu tư: tăng 15.500 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung kế hoạch vốn các dự án từ phương án sử dụng tăng thu, tiết kiệm chi: 10 tỷ đồng.
- Tỉnh bổ sung trợ cấp vốn Chương trình MTQG XDNTM: 5.500 triệu đồng.

2. Dự toán chi thường xuyên: Tăng 6.945.103 nghìn đồng, bao gồm:

- 2.1. Tăng chi dự toán các đơn vị cấp thị xã là 6.493.103 nghìn đồng.
- 2.2. Tăng chi dự toán cấp xã là 452.000 nghìn đồng.

3. Nguồn chi thực hiện chính sách tiền lương: tăng 48.117.549 nghìn đồng.

4. Dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ: tăng 12.854.568 nghìn đồng.

5. Dự phòng ngân sách: tăng 5.424.127 nghìn đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01/DT, 02/DT, 03/DT đính kèm)

Điều 2.

- Giao Ủy ban nhân dân thị xã triển khai thực hiện và căn cứ quyết định nghị hưu trước tuổi, thôi việc của cấp có thẩm quyền phân bổ dự toán chi tiết cho các đơn vị đối với nguồn chi thực hiện chính sách tiền lương.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, 02 Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh khu vực thị xã;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- 02 Ban và ĐB HĐND, TV UBND thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- TT.HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

[Signature]
Lê Thanh Sơn

DỰ TOÁN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND thị xã)

DVT: nghìn đồng

Nội dung	Dự toán năm 2025 tỉnh giao	Dự toán đầu năm 2025 thị xã giao	Trong đó		Dự toán điều chỉnh tăng, giảm	Trong đó		Dự toán năm 2025 thị xã giao (sau bổ sung, điều chỉnh)	Trong đó		So với dự toán tỉnh giao	So với dự toán đầu năm 2025 thị xã giao
			Ngân sách thị xã	Ngân sách xã		Ngân sách thị xã	Ngân sách xã		Ngân sách thị xã	Ngân sách xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9=3+6	10=4+7	11=5+8	12=9/2	13=9/3
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	500.509.000	516.750.972	437.569.282	79.181.690	88.841.347	88.389.347	452.000	605.592.319	525.958.629	79.633.690	121,0	117,2
A - Các khoản chi trong cân đối NSNN	500.509.000	516.750.972	437.569.282	79.181.690	88.841.347	88.389.347	452.000	605.592.319	525.958.629	79.633.690	121,0	117,2
I. Chi đầu tư phát triển	38.900.000	91.840.000	91.840.000	0	15.500.000	15.500.000	0	107.340.000	107.340.000	0	275,9	116,9
II. Chi thường xuyên	380.795.000	399.599.827	333.141.505	66.458.322	6.945.103	6.493.103	452.000	406.544.930	339.634.608	66.910.322	106,8	101,7
1/ Chi hoạt động kinh tế	121.603.000	26.194.043	16.939.043	9.255.000	2.009.552	1.557.552	452.000	28.203.595	18.496.595	9.707.000	23,2	107,7
2/ Chi bảo vệ môi trường	6.000.000	6.408.635	4.154.900	2.253.735	7.805	7.805		6.416.440	4.162.705	2.253.735	106,9	100,1
3/ Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	127.455.000	178.313.931	178.103.931	210.000	1.379.538	1.379.538		179.693.469	179.483.469	210.000	141,0	100,8
4/ Chi SN y tế, DS KHHGD	43.248.000	50.629.923	50.629.923	0	1.000.000	1.000.000		51.629.923	51.629.923	0	119,4	102,0
5/ Chi SN văn hóa thông tin thể thao	2.055.000	8.683.278	7.793.278	890.000	-644.300	-644.300		8.038.978	7.148.978	890.000	391,2	92,6
6/ Chi SN phát thanh - truyền hình	1.738.000	392.700	392.700	0	0	0		392.700	392.700	0	22,6	100,0
7/ Chi đảm bảo xã hội	11.692.000	13.080.000	12.443.000	637.000	0	0		13.080.000	12.443.000	637.000	111,9	100,0
8/ Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	54.105.000	90.470.952	54.112.956	36.357.996	4.531.466	4.531.466		95.002.418	58.644.422	36.357.996	175,6	105,0
9/ Chi quốc phòng	7.092.000	13.847.471	5.678.500	8.168.971	0	0		13.847.471	5.678.500	8.168.971	195,3	100,0
10/ Chi an ninh	4.599.000	10.370.894	1.685.274	8.685.620	-1.338.958	-1.338.958		9.031.936	346.316	8.685.620	196,4	87,1
11/ Chi khác	1.208.000	1.208.000	1.208.000	0	0	0		1.208.000	1.208.000	0	100,0	100,0
III. Chi thực hiện CCTL	71.000.000	11.394.201		11.394.201	48.117.549	48.117.549		59.511.750	48.117.549	11.394.201	83,8	522,3
IV. Dự toán chi thường xuyên chưa phân bổ (một số nhiệm vụ chi phát sinh chưa đủ điều kiện phân bổ dự toán đầu năm)	0	3.776.944	3.776.944		12.854.568	12.854.568		16.631.512	16.631.512	0		440,3
V. Chi dự phòng	9.814.000	10.140.000	8.810.833	1.329.167	5.424.127	5.424.127		15.564.127	14.234.960	1.329.167	158,6	153,5



**DỰ TOÁN BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÁC
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND thị xã)

Đơn vị tính : 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
I	Chi sự nghiệp kinh tế	
	Tổng chi	1.557.552
	- Kp ngân sách cấp	1.557.552
1	Xí nghiệp công trình đô thị	
	Kinh phí ngân sách cấp	155.000
	* Kinh phí giao không thường xuyên bằng hình thức rút dự toán	155.000
	Kinh phí đảm bảo công tác vệ sinh, điện nước phục vụ lễ giao nhận quân năm 2025	20.000
	Bổ sung kinh phí sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng (phát sinh thực tế tăng so với số đã bố trí)	135.000
2	Hạt kiểm lâm liên huyện thị xã Bù Gia mập - Phước Long	-160.000
	* KP không thực hiện tự chủ	-160.000
	Điều chỉnh giảm kinh phí phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ rừng, PCCCR	-160.000
3	Ban QLDA ĐTXD	462.654
	* KP không thực hiện tự chủ	462.654
	Quy hoạch chi tiết rút gọn trường MG Sao sáng tỷ lệ 1/500	286.654
	Xử lý đoạn mặt đường bị hư hỏng từ chân núi đến Đồi Bằng Lăng (phục vụ lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long)	100.000
	Lắp đặt một số bóng đèn chiếu sáng trước cổng Thị ủy và khu trưng bày đàn đá (phục vụ lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long)	16.000
	Cải tạo, sơn mới cổng và hàng rào khu vực Đồi bằng lăng (phục vụ lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long)	60.000
4	Văn phòng HĐND&UBND thị xã	1.099.898
	* KP không thực hiện tự chủ	1.099.898
	Bổ sung kinh phí sửa chữa trụ sở, các hạng mục phụ trợ khu B,C (phần còn thiếu so với dự toán đã bố trí năm 2024)	639.825
	Bổ sung kinh phí sửa chữa trụ sở, các hạng mục phụ trợ khu A và Quảng trường 6-1 (phần còn thiếu so với dự toán đã bố trí năm 2024)	460.073
II	Chi sự nghiệp môi trường	
	Xí nghiệp công trình đô thị	7.805
	Kinh phí ngân sách cấp	7.805
	* Kinh phí giao không thường xuyên bằng hình thức rút dự toán	7.805

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Bổ sung kinh phí nhiệm vụ đảm bảo điều kiện đặt hàng, cụ thể vệ sinh đường phố, duy trì hệ thống chiếu sáng năm 2025 phần còn thiếu so với Quyết định phê duyệt (QĐ số 3580/QĐ-UBND ngày 31/12/2024)	7.805
III	Chi sự nghiệp đào tạo, giáo dục và dạy nghề	
	Tổng chi	1.379.538
A	Chi sự nghiệp đào tạo	726.305
1	Trung tâm y tế	726.305
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	
	Phục vụ công tác khám chữa bệnh	459.416
	Bổ sung KP đào tạo phát sinh trong năm 2025 (bổ sung KP đào tạo 01 viên chức theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 23/01/2025, KP phát sinh trong năm 2025 của 7 viên chức theo QĐ trong năm 2024)	459.416
	Phục vụ công tác y tế dự phòng, dân số	266.889
	Bổ sung KP đào tạo phát sinh trong năm 2025 (bổ sung KP đào tạo 02 viên chức theo Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 23/01/2025, KP phát sinh trong năm 2025 của 4 viên chức theo QĐ trong năm 2024)	266.889
B	Chi sự nghiệp giáo dục	653.233
1	Trường Mẫu giáo Phước Bình	116.270
	Kp ngân sách cấp	116.270
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	116.270
	Bổ sung kinh phí làm mái che khu vận động trẻ và sửa chữa hành lang lối đi trường MG Phước Bình (phần còn thiếu so với dự toán đã bố trí năm 2024)	116.270
2	Trường Mẫu giáo Phước Tín	163.112
	Kp ngân sách cấp	163.112
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	163.112
	Bổ sung kinh phí sơn sửa dãy phòng học, phòng chức năng và khu hiệu bộ trường MG Phước Tín (phần còn thiếu so với dự toán đã bố trí năm 2024)	161.832
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ	1.280
3	Trường Mầm Non Thác Mơ	640
	Kp ngân sách cấp	640
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	640
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ	640
	Trường Mẫu Giáo Sao Sáng	640
4	Kp ngân sách cấp	640
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	640
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ	640
5	Trường Mẫu Giáo Sơn Giang	1.280
	Kp ngân sách cấp	1.280
	<i>* KP không thực hiện tự chủ</i>	1.280
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ	1.280
6	Trường Mầm non Sơn ca	204.796
	Kp ngân sách cấp	204.796

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	* KP không thực hiện tự chủ	204.796
	Kinh phí nghỉ việc theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP	204.796
7	Trường TH CS Long Phước	15.469
	Kp ngân sách cấp	15.469
	* KP thực hiện tự chủ	15.469
	Kinh phí học bạ số học kỳ II, năm học 2024-2025	15.469
8	Trường TH CS Nguyễn Văn Trỗi	12.026
	Kp ngân sách cấp	12.026
	* KP thực hiện tự chủ	12.026
	Kinh phí học bạ số học kỳ II, năm học 2024-2025	12.026
9	Trường TH CS Phước Tín	9.166
	Kp ngân sách cấp	9.166
	* KP thực hiện tự chủ	9.166
	Kinh phí học bạ số học kỳ II, năm học 2024-2025	9.166
10	Trường TH CS Thác Mơ	14.589
	Kp ngân sách cấp	14.589
	* KP thực hiện tự chủ	14.589
	Kinh phí học bạ số học kỳ II, năm học 2024-2025	14.589
11	Trường TH CS Phước Bình	115.245
	Kp ngân sách cấp	115.245
	* KP thực hiện tự chủ	115.245
	Kinh phí học bạ số học kỳ II, năm học 2024-2025	13.203
	Bổ sung kp lương phụ cấp đóng góp 02 giáo viên hợp đồng tháng 11, tháng 12/2024 và phụ cấp ưu đãi 07 giáo viên đồng từ tháng 09 đến tháng 12/2024	102.042
IV	Chi sự nghiệp y tế	
	Tổng chi	1.000.000
	- Kp ngân sách cấp	1.000.000
1	Trung tâm y tế	1.000.000
	Kinh phí ngân sách cấp	1.000.000
	* KP không thực hiện tự chủ	1.000.000
	Kinh phí triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm y tế	1.000.000
V	Chi sự nghiệp VHTT	
	Tổng chi	-644.300
	- Kp ngân sách cấp	-644.300
1	Trung tâm VHTT và ĐTTTH	-750.000
a	Kinh phí ngân sách cấp - sự nghiệp văn hóa	50.000
	- Kp không thực hiện tự chủ	50.000
	Bổ sung kinh phí cơ sở vật chất tổ chức lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long tại Quảng trường 6/1	20.000
	Kinh phí tham gia liên hoan văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước lần thứ VII năm 2025 theo Kế hoạch số 47/KH-UBND của UBND thị xã	190.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	Kinh phí phục vụ hội trại tổng quân và lễ giao nhận quân	90.000
	Điều chỉnh giảm kinh phí tổ chức lễ hội giao thừa <i>(không thực hiện)</i>	-250.000
b	Kinh phí ngân sách cấp - sự nghiệp thể thao	-800.000
	Điều chỉnh giảm kinh phí tổ chức ĐH TDTT thị xã Phước Long <i>(Công văn số 974/BVHTTDL-TDTTVN ngày 11/3/2025 của Bộ VHTTDL)</i>	-800.000
2	Phòng Văn hóa, khoa học và thông tin	105.700
	Bổ sung kinh phí phục vụ các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long	65.700
	Kinh phí tham gia liên hoan văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước lần thứ VII năm 2025 theo Kế hoạch số 47/KH-UBND của UBND thị xã <i>(chuyển một phần từ nhiệm vụ chi kinh phí phục vụ công tác thuộc lĩnh vực văn hóa và gia đình đã bố trí đầu năm)</i>	40.000
VI	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	
	Tổng chi	4.531.466
	- Kp ngân sách cấp	4.531.466
1	Văn phòng HĐND&UBND thị xã	(6.005)
	* Kinh phí giao thực hiện tự chủ	(49.850)
	Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long và giải việt dã <i>(kinh phí đặt cơm còn tồn không còn nhu cầu sử dụng)</i>	(49.850)
	* Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	43.845
	Điều chỉnh giảm kinh phí phụ cấp hoạt động của HĐND	(213.302)
	Điều chỉnh giảm kinh phí công tác dân tộc tôn giáo	(15.000)
	Kinh phí chỉnh lý tài liệu giấy của Thường trực HĐND, UBND thị xã	213.302
	Bổ sung kinh phí phục vụ các ngày lễ lớn trong năm <i>(lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Phước Long, 50 năm ngày giải phóng tỉnh Bình Phước)</i>	75.745
	Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ Tết nguyên đán theo kết luận của Thường trực Thị ủy	(16.900)
2	Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị	1.450.567
	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	1.450.567
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	0
	* Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	0
	Kinh phí đo đạc giải thửa khu đất trụ sở UBND phường Long Phước (cũ)	8.610
	Bổ sung kinh phí đào tạo lớp TCCT	10.000
	Điều chỉnh giảm kinh phí tổ tư vấn đầu tư	-18.610
4	Phòng Văn hóa, khoa học và thông tin	-40.000
	Điều chỉnh giảm kinh phí phục vụ công tác thuộc lĩnh vực văn hóa và gia đình	-40.000

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2.146.015
	* Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	2.146.015
	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	2.146.015
6	Phòng Nội vụ	980.889
	* Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	980.889
	Kinh phí công tác dân tộc Tôn giáo	15.000
	Kinh phí nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP	965.889
VII	An ninh quốc phòng	(1.338.958)
1	Công An thị xã Phước Long	(1.338.958)
	Kp Ngân sách cấp	(1.338.958)
	Điều chỉnh giảm hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác nắm tình hình ANCT, bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh nông thôn, dân tộc tôn giáo	(98.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác PCCC	(200.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác tuyên truyền, đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trên địa bàn thị xã	(90.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác quản lý nhân hộ khẩu, CMND, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp thẻ căn cước công dân.	(50.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ KP tập huấn lực lượng Công an xã, bảo vệ dân phố, tổ ANND	(50.000)
	Điều chỉnh giảm Chi hỗ trợ công tác xử phạt vi phạm hành chính trên lĩnh vực TTATXH, PCCC, môi trường...	(20.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ KP phục vụ công tác BVBMNN trên địa bàn thị xã	(15.000)
	Điều chỉnh giảm Hỗ trợ KP quản lý người chấp hành án phạt tù được tha về	(30.000)
	Điều chỉnh giảm Thuê bao đường truyền viễn thông, đường truyền chuyên dùng	(713.658)
	Điều chỉnh giảm Kinh phí hỗ trợ lực lượng bảo vệ đêm giao thừa và giải việt dã	(15.000)
	Điều chỉnh giảm Kinh phí thăm chiến sỹ mới năm 2024 theo Kế hoạch của UBND thị xã	(14.800)
	Điều chỉnh giảm Kinh phí sửa chữa bảo trì camera giám sát an ninh do Công an quản lý	(100.000)
	Điều chỉnh giảm Kinh phí bảo vệ kỳ thi tốt nghiệp THPT	(18.000)
	Trừ tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương	75.500
2	Ban CHQS thị xã Phước Long	0
	Bổ sung kinh phí phục vụ công tác tuyên quân	56.361
	Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực quốc phòng	(56.361)
	Tổng dự toán bổ sung, điều chỉnh	6.493.103

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NSNN KHỐI XÃ, PHƯỜNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 14/4/2025 của HĐND thị xã)

Đơn vị tính : 1.000 đồng

	NỘI DUNG	Tổng cộng	Long Phước
		Số tiền	Số tiền
I	Chi thường xuyên	452.000	452.000
	Sự nghiệp Kinh tế	452.000	452.000
	Bổ sung kinh phí sửa chữa hội trường, nhà làm việc BCHQS phường Long Phước (Dự toán được duyệt 1,34 tỷ đồng; đã bố trí năm 2024 là 700 triệu đồng)	452.000	452.000